

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2022/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 14 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 254/2022/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Lê Kinh Đ, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Chị Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Kinh Đ, Chị Nguyễn Thị Lan T qua quá trình tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C vào ngày 23/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau thường xuyên xảy ra bất đồng về cách sống, về tính tình, không cùng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Mặc dù anh, chị được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay cả hai đã không còn sống chung với nhau, phần ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân làm cho cả hai quá mệt mỏi nên

anh, chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống và giải thoát cho đôi bên. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh Đ mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Lê Kinh Đ, Chị Nguyễn Thị Lan T xác định có 01 con chung là Lê Nguyễn Hạ V, sinh ngày 18/6/2020. Anh, chị thỏa thuận giao con chung cho Chị Nguyễn Thị Lan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Kinh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T nuôi cháu Lê Nguyễn Hạ V, sinh ngày 18/6/2020, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 7/2022 cho đến khi các cháu V đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Đ, chị T xác định không có.

[4] Về nợ chung: Anh Đ, chị T xác định không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan T và Anh Lê Kinh Đ thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Nguyễn Hạ V, sinh ngày 18/6/2020 cho Chị Nguyễn Thị Lan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Hạ V, sinh ngày 18/6/2020 cho chị T nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Lê Kinh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Nguyễn Thị Lan T và Anh Lê Kinh Đ có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước nhưng anh Đ, chị T đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003259, ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, Chi cục THADS huyện S;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Đình Chung

